TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-5-2025
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Lâm Tự.

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025, về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Việt T, sinh ngày 06/01/1991 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi thường tru: ấp B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông Trần Thanh V, sinh ngày 10/4/1984 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2025 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lê Thị Việt T trình bày: Bà và ông Trần Thanh V tự nguyện sống chung, có tổ chức lễ cưới và đăng ký hôn với nhau, đã được UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 96 ngày 08/6/2012. Giữa bà và ông V có 01 người con chung tên Trần Thị Quế T1, sinh ngày 12/12/2012. Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng thường hay cải nhau do tính tình không hợp, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2024 cho đến nay, thời gian ly thân ai cũng có cuộc sống của người đó nên không còn quan tâm nhau cũng như không thể hàn gắn lại được. Đến

nay bà thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, bà và ông V muốn trả tự do cho nhau nên khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Thanh V.

- Về con chung: Bà yêu cầu giao con chung Trần Thị Quế T1 cho ông Trần Thanh V nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng giữa vợ chồng: Bà không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trần Thanh V có đơn xin vắng mặt, quá trình giải quyết trình bày ý kiến: Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng của ông không có mâu thuẫn, vợ chồng đều đi làm thuê và trong thời gian bà T làm công ty may ở C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu đến khoảng tháng 5/2024 đã tự bỏ nhà đi. Theo ông được biết bà T đi làm thuê ở Long An và hiện đã có quan hệ tình cảm với người khác nên yêu cầu ly hôn. Nay bà T đã không còn tình cảm và yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà T và yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Quế T1, sinh ngày 12/12/2012 và bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung thống nhất không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung thì thấy: Bà T khởi kiện ly hôn và giao con chung, ông V đồng ý ly hôn và nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà T và ông V. Đối với con chung đang sống với ông V và cháu có nguyện vọng sống với cha nên đề nghị giao cháu T1 cho ông V nuôi dưỡng, bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Về án phí buộc bà T phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Các vấn đề khác không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà T khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà T và ông V tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 96 ngày 08/6/2012 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng

nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng thực tế giữa bà T với ông V không sống chung với nhau. Bà T giữ nguyên yêu cầu ly hôn, ông V đã được thông báo về việc bà T khởi kiện và đồng ý ly hôn. Vì vậy, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà T và ông V.

[3] Về con chung: Bà T và ông V có một người con chung là Trần Thị Quế T1, sinh ngày 12/12/2012. Xét thấy ông V yêu cầu nuôi con chung, bà T đồng ý giao con và cháu T1 có nguyện vọng sống với ông V nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu T1 cho ông V nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của cháu T1 (bl 30), bà T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về cấp dưỡng cho con: Bà T đồng ý cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng, ông V đồng ý mức cấp dưỡng bà T đề nghị nên Hội đồng xét xử ghi nhận buộc bà T thực hiện cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Nguyên đơn bà Lê Thị Việt T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thạnh Trị là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Việt T và ông Trần Thanh V.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Quế T1, sinh ngày 12/12/2012 cho ông Trần Thanh V trực tiếp nuôi dưỡng và bà Lê Thị Việt T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Buộc bà Lê Thị Việt T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Trần Thị Quế T1 con chung với ông Trần Thanh V là 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 15/4/2025 đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Bà Lê Thị Việt T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001858 ngày 10/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thì bà Lê Thị Việt T còn phải nộp là 150.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Riêng phần nội dung về cấp dưỡng được thi hành ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND thị trấn L,
huyện T, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai